TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 15/2025/HNGĐ - ST
Ngày: 02/4/2025
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"giữa chị Chu Thị T và anh Bùi Ngọc C"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hải Lý.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Xuân Oanh

2. Bà Nguyễn Thị Nhiễu.

- ***Thư ký phiên toà*:** Bà Nguyễn Thị Kim - Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:*** Bà Lê Thị Huyền Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện V xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 10/2025/TLST- HNGĐ ngày 14 tháng 01 năm 2025 về *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2025/QĐXX - ST ngày 07 tháng 3 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 06/2025/QĐST - HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Chu Thị T**, sinh năm 1993;
Địa chỉ: Thôn N, xã N, huyện V, tỉnh Thái Bình.

2. Bị đơn: Anh **Bùi Ngọc C**, sinh năm 1989;

Địa chỉ: Thôn N, xã N, huyện V, tỉnh Thái Bình.

(chị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Anh C vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện đề ngày 25 tháng 12 năm 2024, bản tự khai đề ngày 02 tháng 01 năm 2025 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Chu Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh C tự nguyện tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn vào ngày 06 tháng 5 năm 2011 tại UBND xã N, huyện V, tỉnh

Thái Bình. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh C chơi cờ bạc, không tu chí làm ăn dẫn đến kinh tế gia đình sa sút. Chị đã nhiều lần cho anh C cơ hội nhưng anh C không thay đổi bản thân. Gia đình anh C cũng khuyên bảo, động viên anh C nhưng anh C vẫn chứng nào, tật nấy. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ nên chị đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết cho chị được ly hôn anh C.

Về con chung: Chị và anh Bùi Ngọc C có 03 con chung là: Bùi Anh N, sinh ngày 26 tháng 11 năm 2011; Bùi Phương Uyên, sinh ngày 16 tháng 5 năm 2013; Bùi Phương N, sinh ngày 11 tháng 8 năm 2020. Hiện nay cả 03 con chung đều đang sống cùng với anh, chị và bố mẹ đẻ anh C ở thôn N, xã N. Trường hợp Tòa án giải quyết cho chị và anh C ly hôn, chị đề nghị Tòa án giao cho chị nuôi dưỡng cả 03 con chung, chị không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi các con. Trường hợp chị không được nuôi dưỡng cả 03 con chung thì chị có nguyện vọng nuôi con U và con N. Hiện chị đang làm công nhân công ty may tại xã N, thu nhập khoảng 10 triệu đồng/tháng.

Về quan hệ tài sản: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nợ chung của vợ chồng không có nên chị cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Tại Bản tự khai đề ngày 07 tháng 3 năm 2025, bị đơn anh Bùi Ngọc C trình bày:

Anh và chị T tự nguyện tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N vào ngày 06 tháng 5 năm 2011. Sau khi kết hôn, anh và chị T chung sống cùng với bố mẹ đẻ anh tại thôn N, xã N. Đến khi sinh con thứ ba, vợ chồng anh ra ở riêng. Mâu thuẫn vợ chồng nảy sinh từ đầu năm 2024 do bản thân anh không chịu tu chí làm ăn, chơi cờ bạc dẫn đến nợ nần làm cho chị T buồn rầu, chán nản; từ đó vợ chồng bất hòa, căng thẳng. Chị T đã cho anh cơ hội để sửa chữa sai lầm, tuy nhiên anh vẫn chưa thực sự nghiêm túc thay đổi bản thân. Nay chị T xin ly hôn anh, quan điểm của anh là không mong muốn vợ chồng ly hôn vì anh vẫn còn tình cảm với chị T. Anh mong chị T tha thứ, cho anh thêm cơ hội để vợ chồng đoàn tụ cùng nuôi dạy các con trưởng thành. Trường hợp chị T vẫn kiên quyết xin ly hôn thì anh cũng chấp nhận, đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn của vợ chồng anh theo quy định pháp luật.

Về quan hệ con chung: Anh và chị T có 03 con chung như chị T trình bày. Hiện nay cả 03 con chung đều đang chung sống cùng với vợ chồng anh tại nhà riêng của anh, chị ở thôn N, xã N. Trường hợp Tòa án giải quyết cho anh chị ly hôn thì anh có nguyện vọng được nuôi cả 03 con chung và anh không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về công việc, anh đang làm quản lý đường sông số 5 tại trạm thủy văn N. Ngoài ra, anh còn làm thêm nghề đánh bắt cá sông nên anh có đủ điều kiện nuôi các con. Bố, mẹ đẻ anh cũng hỗ trợ anh trong việc chăm sóc và đưa đón các con.

Về tài sản chung: Anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nợ chung của anh, chị không có nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Tại Biên bản lấy lời khai của người làm chứng ngày 25 tháng 02 năm 2025, bà Ngô Thị L(là mẹ đẻ của anh C) trình bày:

Sau khi kết hôn, anh chị chung sống cùng gia đình bà được khoảng 08 - 09 năm, khi anh chị sinh con thứ ba thì anh, chị làm nhà ở riêng. Quá trình chung sống, anh chị phát sinh mâu thuẫn từ đầu năm 2024. Nguyên nhân do anh C chơi cờ bạc dẫn đến nợ nần. Nay chị T xin ly hôn anh C, gia đình bà có khuyên bảo chị T cho anh C cơ hội để sửa chữa khuyết điểm, thay đổi bản thân. Trường hợp chị T vẫn kiên quyết xin ly hôn thì bà đề nghị Tòa án hòa giải cho anh chị, nếu hòa giải không được thì bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Về con chung, Hiện nay cả 03 con chung của anh chị đều đang sống cùng anh chị ngay cạnh gia đình bà. Anh C và chị T đều có công việc, có thu nhập, chỗ ở ổn định. Về tài sản chung đề nghị tòa án căn cứ vào lời trình bày của anh chị để giải quyết. Nợ chung của anh chị không có.

4. Biên bản xác minh ngày 25 tháng 02 năm 2025 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện V thể hiện: Chị T và anh C kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N vào ngày 06 tháng 5 năm 2011. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống cùng gia đình anh C tại thôn Ngô Xá, xã N. Anh chị chung sống hòa thuận đến năm 2024 thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn địa phương nắm bắt được là do anh C chơi cờ bạc dẫn đến vợ chồng bất hòa, căng thẳng. Nay chị T có đơn xin ly hôn anh C, địa phương đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết. Về con chung: Hiện nay cả 03 con chung của anh chị đều đang sống cùng anh, chị và ông bà nội của các cháu tại địa phương. Trường hợp anh chị ly hôn, địa phương đề nghị Tòa án căn cứ theo nguyện vọng của anh, chị và lời trình bày của các cháu để giải quyết theo quy định của pháp luật. Cả anh C và chị T đều có điều kiện nuôi con vì anh, chị đều có công việc, có thu nhập ổn định. Địa phương không nắm được tài sản chung của vợ chồng chị T, anh C. Anh chị không có khoản vay nợ chung tổ chức xã hội nào tại địa phương.

5. Tại Biên bản lấy lời khai ngày 15 tháng 01 năm 2025, cháu Bùi Anh N trình bày: Trường hợp bố mẹ cháu ly hôn thì cháu có nguyện vọng được chung sống cùng với bố mẹ.

6. Tại Biên bản lấy lời khai ngày 15 tháng 01 năm 2025, cháu Bùi Phương U trình bày: Trường hợp bố mẹ cháu ly hôn thì cháu có nguyện vọng được ở với mẹ vì mẹ luôn yêu thương, quan tâm, chăm sóc và nuôi dưỡng cháu chu đáo, đặc biệt là quan tâm đến việc học tập của cháu.

**** Tại phiên tòa đại diện VKSND huyện V phát biểu quan điểm***:

- Về tố tụng: Thẩm phán và HĐXX, nguyên đơn thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã chấp hành đúng một phần nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 58; Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 227, Điều 228, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016: Xử cho chị Chu Thị T được ly hôn anh Bùi Ngọc C; Về con chung: Xử giao cho chị Chu Thị T trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là Bùi Phương U, sinh ngày 16 tháng 5 năm 2013; Bùi Phương N, sinh ngày 11 tháng 8 năm 2020. Giao cho anh Bùi Ngọc C trực tiếp nuôi dưỡng con Bùi Anh N, sinh ngày 26 tháng 11 năm 2011. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết. Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, cũng như thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

1.Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Chị Chu Thị T khởi kiện xin ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với anh Bùi Ngọc C có đăng ký thường trú tại thôn N, xã N, huyện V, tỉnh Thái Bình. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là *"Ly hôn,tranh chấp nuôi con khi ly hôn"* và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyệnV, tỉnh Thái Bình.

[1.2] Nguyên đơn có Đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

2.Về nội dung:

[**2.1**] **Quan hệ hôn nhân**: Hôn nhân giữa chị Chu Thị T và anh Bùi Ngọc C được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, theo chị T vợ chồng mâu thuẫn từ năm 2021; theo anh C thì mâu thuẫn vợ chồng xảy ra từ đầu năm 2024. Kết quả xác minh của Tòa án cùng lời khai của chị T và bà L (mẹ đẻ anh anh C) đều thể hiện mâu thuẫn xuất phát từ việc anh C không tu chí làm ăn, hay chơi cờ bạc. Mặc dù, chị T cũng đã cho anh C nhiều cơ hội nhưng anh C vẫn không thay đổi. Anh C cũng thừa nhận như vậy. Hai bên không có giải pháp gì để cải thiện tình cảm vợ chồng. Ngày 07/03/2025, anh C có đến Tòa án để trình bày quan điểm; tuy nhiên đến khi Tòa án mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải thì anh C đã bỏ về. Điều đó thể hiện anh C không thực sự mong muốn vợ chồng đoàn tụ.

Xét thực trạng quan hệ vợ chồng của chị T và anh C đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì

vậy, cần căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, cần xử cho chị Chu Thị T được ly hôn anh Bùi Ngọc C.

[2.2] Về con chung: Hiện tại cả 03 con chung đều đang chung sống cùng nhà với chị T và anh C. Xét điều kiện nuôi con của chị T, anh C thì thấy: chị T hiện đang làm công nhân công ty may tại xã N, thu nhập khoảng 10 triệu đồng/tháng, anh C cũng đang công tác tại trạm thủy văn xã N và còn được sự hỗ trợ của bố mẹ đẻ anh C trong việc chăm sóc cháu Ngọc. Chị T và anh C đều có thu nhập ổn định, có đủ điều kiện để nuôi con. Cháu Ngọc có nguyện vọng được ở cùng với cả bố, mẹ; Cháu Phương U cũng có nguyện vọng được sống cùng với chị T, cháu N còn nhỏ (mới gần 05 tuổi) rất cần sự chăm sóc của người mẹ. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con chung căn cứ vào Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình, cần giao cho anh Bùi Ngọc C nuôi dưỡng con Bùi Anh N; giao cho chị Chu Thị T nuôi dưỡng con Bùi Phương U và con Bùi Phương N là phù hợp. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

[**2.3**] **Về tài sản chung**: không giải quyết.

[**2.4**] **Về án phí**: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 39 Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý án phí, lệ phí Tòa án:

1.**Về quan hệ hôn nhân**: Xử cho chị Chu Thị T được ly hôn anh Bùi Ngọc C.

2.**Về con chung:** Xử giao cho chị Chu Thị T trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là Bùi Phương U, sinh ngày 16 tháng 5 năm 2013; Bùi Phương N, sinh ngày 11 tháng 8 năm 2020. Giao cho anh Bùi Ngọc C trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Bùi Anh N, sinh ngày 26 tháng 11 năm 2011. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Anh Bùi Ngọc C và chị Chu Thị T có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở. Anh Bùi Ngọc C và chị Chu Thị T có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

3. **Về tài sản chung:** Không giải quyết.

4. Về án phí: Chị Chu Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng chị T đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0001849 ngày 14 tháng 01 năm 2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V thành tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Chu Thị T và anh Bùi Ngọc C có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân huyện V;
- Chi cục THA Dân sự huyện V;
- Các đương sự;
- UBND xã N, huyện V, tỉnh Thái Bình; (GCNKH số 32 ngày 06/5/2011).
- TAND tỉnh Thái Bình;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu HCTP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa